

Số: /BC-STP

An Giang, ngày tháng năm 2026

BÁO CÁO

Kết quả thẩm định dự thảo Nghị quyết nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn vốn cho cấp xã thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2025 - 2030

Sở Tư pháp nhận được Công văn số 3132/SVHTT-QLVH ngày 22 tháng 6 năm 2026 của Sở Văn hóa và Thể thao về việc thẩm định dự thảo hồ sơ Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn vốn cho cấp xã thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2025 - 2030. Qua nghiên cứu, Sở Tư pháp có ý kiến như sau:

I. TÍNH HỢP HIẾN, HỢP PHÁP VÀ TÍNH THỐNG NHẤT CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT VỚI HỆ THỐNG PHÁP LUẬT

Khoản 4 Điều 8 Quyết định số 41/2025/QĐ-TTg ngày 10 tháng 11 năm 2025 Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 – 2035 quy định:

“Điều 8. Tổ chức thực hiện

4. Trách nhiệm Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Căn cứ theo nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình tại Quyết định này và điều kiện thực tế, các địa phương lập kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách trung ương trung hạn 5 năm, hằng năm và dự toán kinh phí sự nghiệp nguồn vốn ngân sách trung ương hằng năm thực hiện Chương trình, xác định mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ cụ thể, xây dựng kế hoạch thực hiện, phương án phân bổ vốn ngân sách trung ương gửi Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổng hợp chung vào phương án phân bổ vốn ngân sách trung ương trung hạn và hằng năm của Chương trình theo quy định; các địa phương xây dựng các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn vốn cho cấp xã; quản lý, giám sát, thanh tra, kiểm tra việc sử dụng nguồn vốn ngân sách trung ương trung hạn và hằng năm thực hiện Chương trình.”

Điều g khoản 9 Điều 31 Luật Ngân sách nhà nước quy định:

“Điều 31. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân các cấp

9. Đối với Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, ngoài nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 và 8 Điều này còn có nhiệm vụ, quyền hạn:

g) *Quyết định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ ngân sách của ngân sách địa phương;*”

Tại khoản 3 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định:

“3. Sửa đổi, bổ sung Điều 21 như sau:

“Điều 21. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định:

a) *Chi tiết điều, khoản, điểm và các nội dung khác được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên;*”

Căn cứ quy định nêu trên, cơ quan soạn thảo tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn vốn cho cấp xã thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2025 – 2030 là **cần thiết và đúng thẩm quyền**.

II. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn vốn cho các xã, phường, đặc khu thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2025 – 2030 theo khoản 4 Điều 8 Quyết định số 41/2025/QĐ-TTg ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 – 2035.

2. Đối tượng áp dụng

a) Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, đơn vị sử dụng vốn ngân sách Nhà nước để thực hiện Chương trình.

b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến lập, thực hiện kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình.

3. Ý kiến Sở Tư pháp

Điều 65 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định:

“Điều 65. Quy định về phạm vi điều chỉnh của văn bản

1. Phạm vi điều chỉnh của văn bản phải nêu các nội dung chính của văn

bản.

2. Trường hợp văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn có điều, khoản giao quy định chi tiết thì phải nêu cụ thể điều, khoản đó tại điều, khoản quy định về phạm vi điều chỉnh của văn bản.

3. Trường hợp văn bản quy định chi tiết nhiều điều, khoản hoặc vừa quy định chi tiết các điều, khoản được giao vừa quy định các nội dung khác thì phải nêu đầy đủ trong phần quy định về phạm vi điều chỉnh của văn bản.”

Căn cứ quy định trên, đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung điều, khoản được giao quy định chi tiết tại Quyết định số 41/2025/QĐ-TTg.

III. DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Căn cứ Mẫu số 17 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật, Sở Tư pháp có ý kiến như sau:

Thứ nhất, đề nghị cơ quan soạn thảo bỏ từ “tĩnh” tại nội dung “Hội đồng nhân dân... 2025-2030”

Thứ hai, đối với nội dung “Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân... khóa..., Kỳ họp thứ... thông qua ngày... tháng... năm...” dự thảo Nghị quyết đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, điều chỉnh chuyển thành câu cuối của dự thảo Nghị quyết, hiện nay cơ quan soạn thảo quy định nội dung nêu trên thành Điều 5 của dự thảo Nghị quyết hiện chưa phù hợp.

2. Điểm d khoản 1 tiểu mục III Mục III Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP quy định:

“III. PHẦN NỘI DUNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

1. Trình bày căn cứ ban hành văn bản

d) Đối với nghị định, nghị quyết của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ, nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, thông tư của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, thông tư của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, thông tư của Tổng Kiểm toán nhà nước, thông tư liên tịch thì phía dưới phần căn cứ ban hành văn bản trình bày nội dung: tên cơ quan ban hành văn bản hoặc tên các cơ quan cùng ban hành văn bản, theo sau là cụm từ “ban hành” và tên văn bản, bằng chữ in thường, cỡ chữ 14, kiểu chữ nghiêng, kết thúc là dấu chấm (.). Khi trình bày tên văn bản quy phạm pháp luật trong phần căn cứ phải ghi tên loại văn bản, số, ký hiệu văn bản, tên cơ quan ban hành và tên gọi của văn bản.

Căn cứ quy định trên, đề nghị cơ quan soạn thảo bỏ nội dung “khoản 4 Điều 8” tại căn cứ ban hành thứ 5.

3. Đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh tên Nghị quyết đúng với Nghị quyết số 242/NQ-TT ngày 04 tháng 6 năm 2026 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang ban hành danh mục nghị quyết quy định chi tiết và nội dung giao quy định chi tiết tại Quyết định số 41/2025/QĐ-TTg ngày 10 tháng 11 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 – 2035.

Đồng thời, đề xuất điều chỉnh “Ban Kinh tế - Ngân sách” thành “Ban Pháp chế” tại đoạn dưới phần căn cứ ban hành.

4. Điểm b khoản 1 Điều 68 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung bởi khoản 38 Điều 1 Nghị định số 187/2025/NĐ-CP quy định:

“Điều 68. Viện dẫn văn bản quy phạm pháp luật

1. Việc viện dẫn văn bản được thực hiện như sau:

b) Đối với văn bản khác, khi viện dẫn lần đầu phải ghi tên loại văn bản, số, ký hiệu văn bản và tên gọi của văn bản. Đối với văn bản đã được sửa đổi, bổ sung thì ghi thêm sau tên gọi của văn bản cụm từ “được sửa đổi, bổ sung bởi” và tên loại văn bản, số, ký hiệu văn bản; trường hợp được sửa đổi, bổ sung nhiều lần thì từ lần thứ hai trở đi chỉ ghi tên loại văn bản, số, ký hiệu văn bản.

Lần viện dẫn tiếp theo, ghi tên loại văn bản, số, ký hiệu của văn bản; đối với văn bản đã được sửa đổi, bổ sung thì ghi thêm sau số, ký hiệu của văn bản cụm từ “được sửa đổi, bổ sung bởi” và tên loại văn bản, số, ký hiệu văn bản.”

Căn cứ quy định trên, đề nghị cơ quan soạn thảo bỏ ngày tháng năm và cơ quan ban hành khi viện dẫn văn bản.

5. Đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung nội dung “nguồn vốn địa phương” vào đoạn 2 khoản 2 Điều 2 dự thảo Nghị quyết.

6. Đối với nội dung tại khoản 2 Điều 2 và Điều 3

Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát các nội dung quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn vốn cho **cấp tỉnh** tại khoản 2 Điều 2 và khoản 1, khoản 2 Điều 3 dự thảo Nghị quyết. Theo phạm vi điều chỉnh, dự thảo Nghị quyết chỉ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn vốn cho **các xã, phường, đặc khu** thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2025–2030.

Đề nghị cơ quan soạn thảo giải trình cơ sở của quy định; trường hợp nội dung này không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết thì nghiên cứu loại bỏ hoặc quy định tại văn bản có thẩm quyền, bảo đảm tính thống nhất và phù hợp với phạm vi điều chỉnh của dự thảo.

7. Đối với khoản 5 Điều 4, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, làm rõ cơ sở của việc xác định “tổng số điểm của 65 xã, phường, đặc khu” làm căn cứ tính định mức phân bổ vốn.

Theo thực tế đơn vị hành chính của tỉnh hiện nay có 102 xã, phường, đặc khu. Tuy nhiên, dự thảo lại quy định việc xác định B1 và B2 trên cơ sở tổng số điểm của 65 xã, phường, đặc khu mà chưa làm rõ phạm vi áp dụng hoặc tiêu chí xác định 65 đơn vị này. Quy định như vậy có thể gây khó khăn trong quá trình áp dụng và xác định định mức phân bổ vốn.

Đề nghị cơ quan soạn thảo giải trình cơ sở của quy định; trường hợp đây là số lượng các xã, phường, đặc khu thuộc đối tượng thụ hưởng Chương trình thì cần quy định, thuyết minh hoặc viện dẫn căn cứ xác định cụ thể để bảo đảm rõ ràng, thống nhất và thuận lợi trong quá trình tổ chức thực hiện.

8. Căn cứ điểm b khoản 2 tiểu mục III Mục 1 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP quy định:

“III. PHẦN NỘI DUNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

2. Trình bày nội dung văn bản

b) Thể thức văn bản trình bày như sau:

Số thứ tự các khoản trong mỗi điều dùng số Ả Rập, sau số thứ tự có dấu chấm (.), cỡ chữ 13 - 14, kiểu chữ đứng. Trường hợp khoản có tên, số thứ tự và tên của khoản được trình bày bằng chữ in thường, cỡ chữ 13 - 14, kiểu chữ đứng, trên một dòng riêng.”

Căn cứ quy định trên, đề nghị cơ quan không in đậm các khoản trong toàn bộ văn bản.

IV. DỰ THẢO TỜ TRÌNH

1. Đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung một số nội dung sau:

a) Về cơ sở chính trị: Trích dẫn cụ thể nội dung văn bản của Đảng (văn kiện, nghị quyết, kết luận, thông báo) có liên quan đến nội dung đề xuất;

b) Về cơ sở pháp lý: Trích dẫn các quy định của pháp luật chuyên ngành có liên quan đến thẩm quyền, nội dung mức hỗ trợ; cũng như quy định về thẩm quyền tại khoản 3 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

2. Đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh nội dung tại Mục IV dự thảo Tờ trình thống nhất với nội dung dự thảo Nghị quyết.

3. Đối với nội dung “Theo Nghị quyết số 242/NQ-TT...2025-2030” tại đoạn 3 Mục VI dự thảo Tờ trình, Sở Tư pháp nhận thấy nội dung này thuộc Mục III dự thảo Tờ trình, do đó đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh vị trí phù hợp.

4. Đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh dấu (./.) thành dấu chấm.

V. BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh nội dung dự thảo văn bản thống nhất với nội dung dự thảo Nghị quyết. Đồng thời, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, đối chiếu từng điều, khoản, điểm giữa quy định hiện hành và nội dung dự thảo Nghị quyết và dự thảo Phụ lục nhằm bảo đảm tính thống nhất, xác định rõ nội dung kế thừa, sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế, tránh chồng chéo, mâu thuẫn trong quá trình áp dụng.

VI. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC SOẠN THẢO VĂN BẢN

Ngày 04 tháng 6 năm 2026, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 242/NQ-TT ban hành danh mục nghị quyết quy định chi tiết và nội dung giao quy định chi tiết tại Quyết định số 41/2025/QĐ-TTg ngày 10 tháng 11 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 – 2035.

Sở Văn hóa và Thể thao lấy ý kiến góp ý của sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân cấp xã; đăng trên Cổng thông tin điện tử tỉnh. Sau khi lấy ý kiến, Sở Văn hóa và Thể thao tổng hợp, hoàn chỉnh dự thảo văn bản gửi Sở Tư pháp để thẩm định đúng theo quy định, đảm bảo theo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

VI. KẾT LUẬN

Hồ sơ dự thảo nghị quyết đủ điều kiện tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đề trình Hội đồng nhân dân tỉnh sau khi cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, tiếp thu, giải trình đầy đủ ý kiến được nêu tại Mục II, III, IV, V Báo cáo thẩm định này.

Trên đây là Báo cáo kết quả thẩm định của Sở Tư pháp kính gửi Quý cơ quan./.

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Sở Văn hóa và Thể thao;
- Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Giám đốc, các Phó Giám đốc Sở;
- Cổng thông tin điện tử Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, XDTHPL, vkloan.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Lư Thị Trang Đài